

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 3 - 2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến;
2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn 13, xã Q, thị xã M, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Văn L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D kết hôn với anh Mai Văn L ngày 09/12/2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, việc chị D và anh L kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị D và anh L đã sống ly thân từ 6/2020 đến nay.

Nay chị D nhận thấy tình cảm giữa chị và anh L không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị và anh L không còn chung sống với nhau đã lâu, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị D và anh L không có con chung. Về tài sản và nợ chung: Chị D và anh L không có tài sản chung và nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 06/11/2020 bị đơn anh Mai Văn L trình bày:

Anh Mai Văn L kết hôn với chị Nguyễn Thị D ngày 09/12/2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, việc anh, chị kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh và chị D đã sống ly thân từ 6/2020 đến nay. Anh thấy tình cảm giữa anh và chị D không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị D yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh L và chị D không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị D không có tài sản chung và nợ chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Chị Nguyễn Thị D và anh Mai Văn L thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Dn, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Mai Văn L.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Chị D và anh L không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Mai Văn L. Đây là quan hệ tranh chấp “Ly hôn”. Bị đơn anh Mai Văn L cư trú tại: Thôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị D và anh Mai Văn L. Chị Nguyễn Thị D và anh Mai Văn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Chị Nguyễn Thị D và anh Mai Văn L tự nguyện kết hôn với nhau ngày 09/12/2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị D và anh L chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị D và anh L đã sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay. Qua xác minh tại thôn E, xã B, huyện K, nơi anh Mai Văn L và chị Nguyễn Thị D cư trú, thể hiện vợ chồng anh L và chị D xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2020, chị D và anh L đã sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Nguyễn Thị D và anh Mai Văn L không còn tình cảm, thương yêu nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Mai Văn L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị D và anh L không có con chung; Về tài sản và nợ chung: Chị D và anh L không có tài sản chung và nợ chung.

Nên về vấn đề con chung, tài sản và nợ chung của chị D và anh L Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Mai Văn L.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tạm ứng án phí số 14720 ngày 14/10/2020.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- CCTHADS huyện Krông Ana;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc